

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-01-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Bùi Đức Khoa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã K, huyện T, thành phố H; Nơi ở hiện nay: Xóm G, thôn K, xã T, huyện T, thành phố H. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện T, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Ngọc T từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H. Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu về gia đình anh T sinh sống tại thôn H, xã K. Quá trình chung sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên tham gia hòa giải nhưng không có kết quả. Chị về nhà bố mẹ đẻ ở tại xóm G, thôn K, xã T, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có hai con chung tên là Vũ Ngọc N sinh ngày 26/10/2013 và Vũ Ngọc B sinh ngày 06/11/2015. Hiện nay chị đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, công việc của chị chưa ổn định và thu nhập hàng tháng còn thấp nên chị chưa có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy con. Ly hôn, chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng hai con, chị được quyền thăm nom, khi nào chị có đủ điều kiện thì chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau; về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân như trên là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, thời gian vừa qua do trong công việc làm ăn của anh gặp một vài vấn đề trục trặc, anh thường hay vắng nhà để lo công việc nên chị H nộp đơn xin ly hôn và về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã T. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H, cuộc sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

- Về con chung: Anh công nhận anh và chị H có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Chị H không có đủ điều kiện kinh tế và thời gian chăm sóc nuôi dạy hai con. Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết anh được trực tiếp nuôi dưỡng hai con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho hai con; về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Ngọc T.

- Về con chung: Giao cho anh Vũ Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Vũ Ngọc N sinh ngày 26/10/2013 và Vũ Ngọc B sinh ngày 06/11/2015 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn là anh Vũ Ngọc T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Ngọc T đã xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 94 đăng ký ngày 17/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H). Căn cứ vào lời khai của hai bên đương sự và tài liệu điều tra xác minh thể hiện quá trình chung sống giữa chị H và

anh T có phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2022, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên, Tòa án đã mở phiên tòa hai lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chứng tỏ anh T không tha thiết níu kéo hôn nhân với chị H, tại phiên tòa chị H vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc xin ly hôn của chị H với anh T là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và phù hợp với tình trạng thực tế của vợ chồng, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung tên là Vũ Ngọc N sinh ngày 26/10/2013 và Vũ Ngọc B sinh ngày 06/11/2015. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên. Xét thấy, chị H đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng hai con vì hiện nay chị H chưa có chỗ ở và thu nhập ổn định, chưa có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy con, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con, mặt khác hai con có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy, giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Ngọc T.
2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Vũ Ngọc N sinh ngày 26/10/2013 và Vũ Ngọc B sinh ngày

06/11/2015 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008217 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Vũ Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K, huyện T, thành phố H,
(Giấy CNKH số 94, đk ngày 17/10/2011);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Ninh